

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Vạn Tường

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Vạn Tường được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua ngày 21/01/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và phát hành ngày 04/12/2021;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và phát hành ngày 04/12/2021;

Căn cứ Nghị quyết họp Hội đồng quản trị số 48/2021/NQ-HĐQT ngày 4/12/2021 về việc “Thông qua nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty”

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Vạn Tường kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	77.635.146.282	225.998.978.585
2	Tổng chi phí	95.953.207.084	268.151.061.459
2.1	Chi phí giá vốn	63.176.088.227	201.468.020.482
2.2	Chi phí quản lý; Trong đó:	32.100.182.746	66.108.565.276
-	Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	12.982.838.902	40.876.566.299
-	Phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh	1.658.439.750	1.520.236.438
-	Khấu hao TSCĐ	4.504.946.370	4.129.405.831
2.3	Chi phí bán hàng	676.936.111	574.475.701
3	Doanh thu hoạt động tài chính	505.920.073	1.105.601.334
4	Chi phí tài chính; Trong đó:	18.064.959.098	20.624.811.935
-	Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 2 Công ty con	213.370.166	5.293.605.532
-	Chi phí lãi vay	17.851.588.932	15.331.206.403

5	Thu nhập khác	1.502.145.729	665.968.369
6	Chi phí khác	992.157.347	887.054.799
-	Trong đó: phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính và phạt khác	595.055.757	143.599.657
7	Lợi nhuận trước thuế	(35.367.111.445)	(61.892.379.905)
8	Thuế TNDN hiện hành		
9	Lợi nhuận sau thuế	(35.367.111.445)	(61.892.379.905)
10	LNST chưa phân phối lũy kế	(190.797.005.476)	(155.429.894.031)

2. Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	120.566.680.078	278.295.145.207
2	Tổng chi phí	139.417.071.423	266.250.431
2.1	Chi phí giá vốn	103.902.332.271	250.701.125.388
2.2	Chi phí quản lý; Trong đó:	34.837.803.041	70.735.747.654
-	Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	12.982.838.902	40.876.566.299
-	Phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh	1.658.439.750	1.520.236.438
-	Khấu hao TSCĐ	4.785.636.678	4.348.161.570
2.3	Chi phí bán hàng	676.936.111	574.475.701
3	Doanh thu hoạt động tài chính	507.931.238	1.111.297.168
4	Chi phí tài chính; Trong đó:	17.966.481.982	15.522.492.953
-	Chi phí lãi vay	17.966.481.982	15.522.492.953
5	Thu nhập khác	2.197.004.892	797.827.277
6	Chi phí khác	1.125.398.792	1.055.732.166
-	Trong đó: phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính và phạt khác	728.297.202	152.712.003
7	Lợi nhuận trước thuế	(35.237.335.989)	(58.385.304.210)
8	Thuế TNDN hiện hành		34.094.111
9	Lợi nhuận sau thuế kỳ kế toán	(35.237.335.989)	(58.419.398.321)
10	LNST chưa phân phối lũy kế	(190.883.449.805)	(155.717.401.081)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Vạn Tường phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Website Công ty.
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TK HĐQT; VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÓ PHẢN CHỨC TỊCH**

VẠN TƯỜNG

VŨ HOÀI CHANG